TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 01/3/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nam

2. Ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 488/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST – HNGĐ ngày 09/02/2022, giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Bà Đinh Thị Kim T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số A/B THĐ, khóm ĐT, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang

+ ***Bị đơn***: Ông Nguyễn Bình TU, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số C/D, khóm ĐT, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông TU vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 12/11/2021 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Đinh Thị Kim T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông TU do quen biết sau đó tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP vào ngày 29/11/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu

thuẫn, không còn hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông TU không chăm lo kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con, một mình bà T phải đi làm nuôi con. Bà T nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông TU.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tuyết TR, sinh ngày 15/5/2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Bình TI, sinh ngày 16/9/2010. Con chung hiện đang sống chung với bà Đinh Thị Kim T, sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông TU cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Bình TU không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do bận công việc, điều kiện đi lại khó khăn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay:**

- Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý đến nay, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia các phiên hoà giải do Toà án thực hiện là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà T, bà T được ly hôn với ông TU.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bình TI cho bà T được chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Tranh chấp giữa bà Đinh Thị Kim T và ông Nguyễn Bình TU là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Đinh Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do điều kiện đi lại khó khăn. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt cũng như niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Nguyễn Bình TU và được Công an phường MP, thành phố LX cung cấp thông tin: "Ông Nguyễn Bình TU, sinh năm 1971, có đăng ký thường trú tại số C/D, khóm ĐT, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang". Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông TU.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông TU do quen biết sau đó tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP vào ngày 29/11/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông TU không chăm lo kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con, một mình bà T phải đi làm nuôi con. Bà T nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông TU.

[2.2] Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần tống đạt cũng như niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú tuy nhiên, ông TU vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà T và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông TU đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông TU không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà T và tạo thêm thời gian để vợ chồng bà T ông TU có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì từ khi bà T khởi kiện xin ly hôn đến nay giữa bà và ông TU vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ đó, có thể nhận thấy ông TU không còn quan tâm đến hôn nhân của mình, mặt khác tình cảm của bà T dành cho ông TU không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông TU.

[2.4] Về con chung: Bà T và ông TU có 02 con chung tên Nguyễn Tuyết TR, sinh ngày 15/5/2001; Nguyễn Bình TI, sinh ngày 16/9/2010 hiện nay con chung

đang sống với bà T. Do cháu TR đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà T không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu TI chưa thành niên, sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình TI. Mặt khác, tại biên bản ghi nguyện vọng các cháu TI cũng có nguyện vọng được sống với bà T. Xét thấy, cháu TI hiện nay do bà T chăm sóc, do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu Nguyễn Bình TI, sinh ngày 16/9/2010 cho bà T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu ông TU cấp dưỡng nuôi cháu TI nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà T và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông TU được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Bà Đinh Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Đinh Thị Kim T. Bà Đinh Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Bình TU.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bình TI, sinh ngày 16/9/2010 cho bà T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Bình TU không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bình TI.

Bà T và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông TU được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

***Về án phí*:** Bà Đinh Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000729 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Bà Đinh Thị Kim T và ông Nguyễn Bình TU được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh